

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2020

V/v tranh chấp về HN&GD ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

Ông Trần Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị M, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số 129/A, Tổ 3, ấp Tịnh Hưng, xã Th, thành phố C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Trang Th, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số 129/A, Tổ 3, ấp Tịnh Hưng, xã Th, thành phố C, Đồng Tháp.

(chị M có mặt tại phiên tòa; anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th chung sống năm 1998, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân, do anh Th bội bạc, lấn nhả với nhiều phụ nữ khác, làm tổn thương chị nhiều lần. Chị và anh Th không chung sống nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Nay,

chị M yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Hưng T, sinh ngày 26/6/2003. Hiện cháu T đang sống với Th. Khi ly hôn chị M đồng ý giao cháu T cho anh Th nuôi dưỡng, chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T theo mức cấp dưỡng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản tại thời điểm thi hành án, cấp dưỡng từ tháng 5/2020 đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến của bị đơn anh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M chung sống từ năm 1997, anh chị không đăng ký kết hôn. Đến tháng 10/2019 (AL) thì chị M bỏ đi không rõ lý do và ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không hàn gắn tình cảm và nay chị M yêu cầu ly hôn anh Th đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Hưng T, sinh ngày 26/6/2003. Hiện cháu T đang sống với anh Th. Khi ly hôn anh Th yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu T và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống với cha là anh Th sau khi ba mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Trang Th có địa chỉ tại số 129/A, Tổ 3, ấp Tịnh Hưng, xã Th, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc chị M và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là có thật, đã được các đương sự thừa nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M cho rằng chị và anh Th chung sống với nhau từ năm 1997 - 1998. Trong thời gian chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân, do anh Th bội bạc, lấn nhả với nhiều phụ nữ khác, làm tổn thương chị nhiều lần nên anh chị không sống nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Nay chị M yêu cầu được Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị với anh Th. Đồng thời, tại văn bản ý kiến của anh Th cũng đồng ý theo yêu cầu của chị M.

Tuy nhiên, anh Th cho rằng việc chị M bỏ đi và sống ly thân đến nay thì anh không biết nguyên nhân gì sao chị M không sống chung với anh Th.

Xét yêu cầu của chị M yêu cầu Tòa án xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị với anh Th. Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997-1998 nhưng anh chị không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định, nên hôn nhân giữa anh chị không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Trang Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Hưng T, sinh ngày 26/6/2003. Hiện cháu T đang sống với anh Th. Tại văn bản ý kiến của anh Nguyễn Trang Th có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định pháp luật. Đồng thời, tại văn bản ý kiến của cháu T có nguyện vọng được sống với ba là anh Th. Xét yêu cầu anh Th và sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị M tại phiên tòa hôm nay là phù hợp được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp, chị M còn phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Trang Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hưng T cho anh Nguyễn Trang Th nuôi dưỡng, chị Lê Thị M phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hưng T bằng mức cấp dưỡng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản tại thời điểm thi hành án, cấp dưỡng từ tháng 5/2020 đến khi cháu Nguyễn Hưng T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Trang Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Trang Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Mích đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004563 ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị M còn phải nộp 300.000đ.

Anh Nguyễn Trang Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Chị M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Thơm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm

“Để thi hành”

TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN**

Nơi nhận:

- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thơm

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Thơm